

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH THẠNH  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST

Ngày 04/9/2024

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Hà Thía;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Hoàng Bá;
2. Bà Trần Thị Diễm Châu.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

***Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*** Bà Khổng Phúc Vĩnh Nhật - Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

*Bị đơn:* Ông Trịnh Đình Tuấn H, sinh năm 1982 (Vắng mặt lần 2).

*Người có quyền, lợi ích được bảo vệ:* Cháu Trịnh Thị Bảo N, sinh ngày 12/8/2014 (Vắng mặt lần 2).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau:* Hôn nhân của bà và ông Trịnh Đình T1 H đến với nhau là do mai mối, tìm hiểu yêu thương nhau khoảng 05 tháng thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 05/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn và ông H chung sống nhưng không có hạnh phúc. Ông H là trụ cột

gia đình nhưng không chịu lao động tạo thu nhập chăm lo cho gia đình, bà khuyên thì vợ, chồng cãi vã, xô xát. Vì vậy, từ tháng 10/2023 bà T dọn ra ngoài sống và ly thân với ông H cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông H có kêu bà về nhưng bà không đồng ý thì tiếp tục cãi vã và dọa nạt bà. Nay bà không còn tình cảm với ông H nên bà xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông H có 02 con chung tên Trịnh Thị Bảo N, sinh ngày 12/8/2014 và Trịnh Kiến V, sinh ngày 31/3/2022, từ khi ly thân các cháu sống với bị đơn, nguyên đơn cũng thường xuyên thăm nom, chăm sóc. Khi ly hôn bà xin nuôi cháu V, giao cháu N cho ông H nuôi. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý giao 02 con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.170.000 đồng/đứa/tháng, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông H và Người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu N mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không chấp hành giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án; đồng thời vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.*

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông H. Về con, giao 02 cháu Trịnh Thị Bảo N, sinh ngày 12/8/2014 và Trịnh Kiến V, sinh ngày 31/3/2022 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.170.000 đồng/đứa/tháng, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông H có đăng ký thường trú tại ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn; Người có

quyền, lợi ích được bảo vệ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân của nguyên đơn, bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của ông, bà yếu là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong xây dựng gia đình, bị đơn không chịu lao động tạo thu nhập chăm lo cho gia đình nên vợ, chồng cãi vã hôn nhân không hạnh phúc; Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn không đến Tòa án cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho thấy bị đơn không muốn hàn gắn tình cảm với nguyên đơn, hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng; điều này cũng phù hợp với biên bản xác minh Tòa án lập ngày 18/7/2024. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H.

[3] Về con: Nguyên đơn, bị đơn có 02 con chung là Trịnh Thị Bảo N, sinh ngày 12/8/2014 và Trịnh Kiến V, sinh ngày 31/3/2022. Từ khi ly thân đến nay các cháu sống với bị đơn, nguyên đơn vẫn thường xuyên thăm nom. Khi ly hôn, nguyên đơn đồng ý giao 02 con chung cho bị đơn tiếp tục nuôi, nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.170.000 đồng/con/tháng, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi; đây là sự tự nguyện của đương sự, đảm bảo không làm sáo trộn và sự phát triển bình thường của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với bị đơn nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 40, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trịnh Đình Tuấn H.

*Về con chung:* Giao 02 cháu Trịnh Thị Bảo N, sinh ngày 12/8/2014 và Trịnh Kiến V, sinh ngày 31/3/2022 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.170.000đ (*Một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*)/con/tháng, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự, không ai được cản trở bà T thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chung, nguyên, bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Về tài sản chung, riêng và nợ:* Không xem xét giải quyết.

(*Nếu sau này phát sinh tranh chấp bị đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác*).

*Về án phí:* Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0006886 ngày 29/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Bà Nguyễn Thị T phải nộp thêm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhân:**

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Võ Hà Thía**